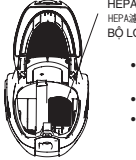


Maintenance / 維護 / Bao trì / الصيانة

HEPA clean filter cleaning / HEPA濾器的清潔 / Lam sạch bộ lọc về sinh HEPA / HEPA 的清理



HEPA clean filter
HEPA濾器
BỘ LỌC HEPA
مرشح التنظيف HEPA

- Remove HEPA clean filter from the unit. Then, remove dust by patting it gently.
- 從本機上拆除HEPA濾器。然後，慢慢輕拍將灰塵除去。
- Thao bộ lọc về sinh HEPA khỏi máy. Sau đó, loại bỏ bụi bằng cách vỗ nhẹ vào.
- 請將HEPA濾器從機器上取下，然後輕輕拍打，將灰塵拍掉。

• 請將HEPA濾器從機器上取下，然後輕輕拍打，將灰塵拍掉。

Warning: HEPA clean filter is not washable.

警告: 從本機上拆除HEPA濾器。然後，慢慢輕拍將灰塵除去。

Cảnh báo: Không giặt được bộ lọc về sinh HEPA.

مرشح التنظيف HEPA غير قابل للغسل

تحذير:

Vacuum cleaner body / 真空清潔器主體 / Thân máy hút chân không / جسم المكنسة الكهربائية

- Wipe with a soft cloth soaked with water.
- 用蘸有清水的軟布進行擦拭。
- Lau sạch bằng vải mềm nhúng nước.
- امسح باستخدام قطعة قماش ناعمة مبللة بالماء.

Caution: Do not wash the cleaner with benzene, thinner and detergent, it may cause color change and transformation.

注意事項: 請勿用苯、稀釋劑和清潔劑清洗吸塵器，否則會導致顏色改變和變形。

Chú ý: Không rửa máy hút bằng benzen, chất pha loãng và chất tẩy rửa, nó có thể gây đổi màu và biến dạng.

• لا تنظف المكنسة الكهربائية بالبنزين أو المذيبات الصناعية، فقد يؤدي هذا إلى تغير الطلاء وتشويه الجهاز.

تنبيه:

One touch swivel pipe / 一觸式旋轉管 / Ống chổi xoay một chạm / فرشاة تدور على محور بلمسة زر واحدة

Take up the dust stuck in the brush by the crevice nozzle. 請使用縫隙吸嘴除去刷子內的灰塵。 Lấy bụi bị mắc kẹt trong chổi bằng đầu hút khe. 請使用縫隙吸嘴除去刷子內的灰塵。 باستخدام فوهة تنظيف الشقوق.

Crevice nozzle
縫隙吸嘴
Đầu hút khe
فوهة تنظيف الشقوق

Brush
刷子
Chổi
الفرشاة

How to set the brush (if the brush comes off during use)
如何裝回刷子（當使用中刷子掉落）
Phương pháp lắp chổi (nếu chổi bị rơi ra trong khi sử dụng)
طريقة ضبط الفرشاة (في حالة انفصال الفرشاة أثناء الاستخدام)

Enlargement
放大
Mở rộng
تطويل الفرشاة

Turning rail
旋轉軌
Đường ray xoay
التحريك الدائري

Insertion slit
插入縫
Rãnh gài
فتحة الإدخال

Guide
引導
Dẫn hướng
الدليل

While pushing
推動時
Khi đẩy
تدوير الفرشاة

Turn
旋轉
Xoay
الدوران

Will be fixed with a sound "tick" when turning
當旋轉時，聽到“卡”聲即固定了
Chúng sẽ khớp với nhau khi nghe một tiếng "tách"
يتم التثبيت مع سماع صوت "تكة" عند الدف

Specifications / 規範 / Thông Số Kỹ Thuật / المواصفات الفنية		
Model / 型號 / Đời Máy / الموديل	CV-SU23V	
Rated voltage / 額定電壓 / Điện Áp Định Mức / فولتية مقدرة	220 - 240V	
Rated frequency / 額定頻率 / Tần Số Định Mức / تردد مقدرة	50 - 60 Hz	
Input power (IEC) / 輸入功率 (IEC) / Công suất đầu vào (IEC) / (IEC) التوصيل بالتيار الكهربائي	1600 - 1900W	
Input power (MAX.) / 額定輸入功率 (最大) / Công suất hút (حد أقصى) / قدرة التغذية المقدرة (حد أقصى)	2300W	
Dust filter / 濾塵器 / Bộ Lọc Bụi / الفلتر الغبار	Dust case / 集塵盒 / Hộp bụi / خزانة الغبار	
Dust capacity / 粉塵量 / Dung tích chứa bụi / سعة خزان الغبار	1.6 L	
Cord length / 電源線長度 / Chiều Dài Dây Điện / طول السلك	5 m	
Net Weight / 淨重 (kg) / Trọng Lượng Tịnh (kg) / الوزن (كجم)	5.1 kg	
Dimension L x W x H / 尺寸 (mm) 長X寬X高 / Kích thước (mm) D x R x C / الأبعاد (ملم) طول × عرض × ارتفاع	389 mm x 278 mm x 244 mm	
Cleaning Tools / 清潔工具 / Phụ tùng / أدوات التنظيف	Rug-Floor Nozzle / 地毯—地板吸嘴 / Đầu hút sàn-thảm / فوهة تنظيف البجاد / الزميك	2 Way Nozzle Head / 2路吸嘴頭 / Đầu hút 2 chiều / رأس بفتحة مزدوجة
	Extension Pipe / 延長導管 / Ống Nối Dài / تزاع التمديد	One touch zoom pipe / 一觸式放大管 / Ống kéo dài một chạm / ماسورة إطالة بلمسة زر واحدة
	Accessories / 附件 / Phụ tùng / الإكسسوارات	Crevice Nozzle/One touch swivel brush / 縫隙吸嘴/一觸式旋轉刷 / Đầu Hút Khe / Chổi xoay một chạm / فوهة للشقوق / فرشاة تدور على محور بلمسة زر واحدة

Vacuum Cleaner

真空吸塵器

Máy hút bụi المكنسة الكهربائية

CV-SC22V CV-SU23V

HITACHI

Inspire the Next



Table of content 內容表 Mục Lục جدول المحتويات	
Operational safety precautions 操作安全注意事項 Hướng dẫn an toàn khi sử dụng احتياطات السلامة التشغيلية	1-2
Accessories and preparation before use 附件和用前準備 Phụ tùng và chuẩn bị trước khi sử dụng الإكسسوارات والتحضير قبل الاستعمال	3-5
How to operate 操作方法 Cách sử dụng كيفية التشغيل	6-9
Maintenance 維護 Bao trì الصيانة	10-12



Operational safety precautions / 操作安全注意事項 / Hướng dẫn an toàn khi sử dụng / احتياطات السلامة التشغيلية

In order to prevent personal injury or damage to the property of the user or other persons, please read and understand (the operational safety precautions) thoroughly and follow them correctly.

為了避免用戶或其他人員的人身傷害或損壞其財產，請閱讀並理解（本操作安全注意事項）全文，並嚴格遵守。

Trước khi vận hành máy hút bụi vui lòng đọc kỹ và tuân thủ các hướng dẫn an toàn dưới đây nhằm tránh gây thương tích, nguy hiểm cho người sử dụng và gây hư hỏng cho máy.

لمنع حدوث الإصابات بملمتلكات المستخدم أو الآخرين، يرجى قراءة واستيعاب (احتياطات السلامة التشغيلية) بعناية واتباعها على النحو الصحيح.

Warning
警告
Cảnh báo
تحذير

This box illustrates actions which may cause serious injury or death.
本標誌表示可能導致嚴重傷害或死亡的操作。
Biểu tượng này minh họa những hành động có thể gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.
يوضح هذا المربع الإجراءات التي قد تسبب إصابات خطيرة أو الوفاة.

Caution
注意事項
Chú ý
تنبيه

This box illustrates actions which may cause injury or damage to property.
本標誌表示可能導致傷害或財產損失的操作。
Biểu tượng này minh họa những hành động có thể gây thương tích hoặc thiệt hại đến tài sản.
يوضح هذا المربع الإجراءات التي قد ينتج عنها إصابات أو تلفا بملمتلكات.

Meaning of the Symbols / 符號的意義 / Ý nghĩa các biểu tượng / معنى الرموز

 denotes a warning or precaution
表示警告或注意事項
Cảnh báo hoặc đề phòng
يرمز إلى تحذير أو تنبيه

 denotes an action which you shouldn't do (prohibited)
表示不允許（禁止）進行的操作
Không nên làm (nghiêm cấm)
يرمز إلى إجراء يجب عدم القيام به (ممنوع)

 denotes an action which must always be done (instruction)
表示必須始終執行的操作（指南）
Nên làm (chỉ dẫn)
يرمز إلى إجراء يجب القيام به دائماً (تعليمات)

